

SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT CÔNG Ở HUYỆN PHONG PHÚ, TỈNH AN GIANG NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX

Võ Ngọc Hiến(*)

Tóm tắt: Huyện Phong Phú tỉnh An Giang nửa đầu thế kỷ XIX là vùng đất trù nên diện tích ruộng đất được khai khẩn còn tương đối ít so với các vùng đất khác ở Nam Kỳ. Với phương pháp thống kê và phân tích số liệu, bài viết đã góp phần phân ánh những đặc điểm cơ bản trong cơ cấu sở hữu ruộng đất công ở huyện Phong Phú về diện tích và quy mô sở hữu. Ở khía cạnh khác, chính sách quản lý ruộng đất của triều Nguyễn đối với huyện Phong Phú nửa đầu thế kỷ XIX còn là bài học lịch sử có giá trị sâu sắc trong việc hoạch định chính sách quản lý đất đai hiện nay của thành phố Cần Thơ.

Từ khóa: huyện Phong Phú, tư liệu địa bạ, ruộng đất, An Giang province, thành phố Cần Thơ.

1. Khái quát về vùng đất Phong Phú

Phong Phú là đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh An Giang ở nửa đầu thế kỷ XIX, có địa giới “cách phủ Tuy Biên hơn 50 dặm về phía đông nam; đông tây cách nhau 50 dặm, nam bắc cách nhau 65 dặm, phía đông đến địa giới huyện An Xuyên phủ Tân Thành 6 dặm, phía tây đến địa giới huyện Kiên Giang tỉnh Hà Tiên 44 dặm, phía nam đến địa giới huyện Vĩnh Định phủ Ba Xuyên 3 dặm, phía bắc đến địa giới huyện An Xuyên và Tây Xuyên 62 dặm”¹. Trải qua từng giai đoạn lịch sử, vùng đất này có sự thay đổi về tên gọi và địa giới hành chính khác nhau.

Trước thế kỷ VII, vùng đất này thuộc quyền quản lý của vương quốc Phù Nam. Từ thế kỷ VII – XVIII, sau khi vương quốc Phù Nam suy yếu và tàn lụi, nơi đây trở nên hoang vu, hầu như vắng bóng người canh tác.

Sau năm 1735, Mạc Cửu mất, Mạc Thiên Tích nối nghiệp cha làm Tổng trấn Hà Tiên, ông đã tiến hành công cuộc khai phá vùng đất phía nam sông Hậu. Năm 1739, Mạc Thiên Tích khai lập thêm Long Xuyên, Kiên Giang, Trản Giang và Trản Di. Trong đó, Trản Giang là vùng đất dọc hữu ngạn sông Hậu tương ứng với huyện Phong Phú sau này và nơi đây trở thành hậu cứ quan trọng về kinh tế và quân sự của trấn Hà Tiên. Năm 1753, Nguyễn Cư Trinh được phái đi kinh lược ở Nam Bộ nhằm củng cố quyền quản lý hành chính của chúa Nguyễn ở vùng cực nam Đàng Trong. Từ nửa sau thế kỷ XVIII, Trản Giang đã trở thành cứ điểm quan trọng được lực lượng Nguyễn Ánh củng cố và phát triển trong quá trình nội chiến với Tây Sơn.

Đầu thế kỷ XIX, thời vua Gia Long (1802 – 1820) đã cho phân định lại đơn vị hành chính trong cả nước. Năm 1803, vùng đất Trản Giang thuộc quyền quản lý của dinh Long

(*) Bộ môn Sư phạm Lịch sử - Khoa Sư phạm - Trường Đại học Cần Thơ, khu II, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ. ĐT: 0971657689. Email: hienb1501721@student.ctu.edu.vn

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch Viện Sử học, tập 5, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.186.

Hồ. Sau đó, dinh Long Hồ được thay đổi về địa giới và đổi tên là dinh Hoàng Trấn, sau đổi thành dinh Vĩnh Trấn, về cơ bản Trấn Giang vẫn do dinh này quản lý. Năm 1808, trên cơ sở địa giới vùng đất Trấn Giang, huyện Vĩnh Định được thành lập trực thuộc trấn Vĩnh Thanh. Huyện Vĩnh Định thời vua Gia Long chỉ có 37 thôn.

Năm 1832, vua Minh Mạng bãi bỏ Gia Định thành, phân chia lại 5 trấn thuộc Gia Định trước đây thành 6 tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Trong đó, tỉnh An Giang được chia ra làm 2 phủ: phủ Tuy Biên quản lý huyện Tây Xuyên và huyện Phong Phú (nguyên là đất huyện Vĩnh Định thời vua Gia Long) và phủ Tân Thành quản lý huyện Đông Xuyên và Vĩnh An. Năm 1835, vua Minh Mạng cho tái thiết lại đơn vị hành chính, sáp nhập huyện Phong Phú với một phần đất đai Ba Thắc lập thành huyện Vĩnh Định thuộc phủ Ba Xuyên quản lý. Sau cuộc tổng đạc điền và lập địa bạ trên toàn Nam Kỳ lục tỉnh năm 1836, huyện Vĩnh Định được giao về phủ Tân Thành quản lý, bao gồm 4 tổng: Định An, Định Bảo, Định Khánh và Định Thới. Năm 1839, lấy đất trung tâm huyện Vĩnh Định kết hợp với đất bản địa Ô Môn lập ra huyện Phong Phú gồm 3 tổng 19 thôn.

Căn cứ vào cách xác định “*tứ cận giáp giới*” và kết hợp với bản đồ², huyện Phong Phú tỉnh An Giang nửa đầu thế kỷ XIX nguyên là vùng đất Trấn Giang được khai mở từ thế kỷ XVIII thời Tổng trấn Mạc Thiên Tích. Diện tích huyện Phong Phú được xác định hữu ngạn sông Hậu, phía tây bắc giáp huyện Đông Xuyên tỉnh An Giang, tây nam giáp huyện Kiên Giang tỉnh Hà Tiên, phía đông và đông nam giáp huyện Vĩnh Định và huyện Phong Nhiêu tỉnh An Giang. Về cơ bản, định danh Phong Phú là đơn vị hành chính thuộc tỉnh An Giang, được sử dụng không thay đổi từ năm 1839 đến năm 1867 được giới hạn trong phần đất đai 3 tổng Định An, Định Bảo và Định Thới tương ứng với phần lớn đất đai của thành phố Cần Thơ hiện nay.

2. Tình hình ruộng đất công ở huyện Phong Phú nửa đầu thế kỷ XIX

2.1 Khái quát về ruộng đất công

Ruộng đất công chủ yếu là công điền công thổ, đây là loại ruộng đất thuộc sở hữu nhà nước nhưng được giao cho xã, thôn quản lý theo quy định. Trong đó, công điền có ở cả 3 tổng, song tập trung nhiều ở thôn Thới Hưng của tổng Định Thới và được ghi trong địa bạ là bản thôn đồng canh. Công thổ chủ yếu là đất dân cư “*những dân cư, chỗ nào là đất hoang và gò đống, trong sổ không ghi người nào trước đã nộp thuế thì liệt làm hạng đất dân cư, miễn thuế; nếu có chủ khai nhận, thì cho dân đánh giá, nộp thuế theo hạng đất công*”³ và đất do quân binh cùng nhân dân khai khẩn “*trong sổ trước là thực trưng, nay khám ra còn một, hai chỗ hoang vu thì căn cứ vào ruộng thực canh, đã đạt thành mẫu,*

² Philippe Langlet et Quach Thanh Tam (2001), *Atlas Historique des six provinces du Sud du Vietnam – du milieu du XIXe au début du XX siècle*, Editions Les Indes savantes, Paris, tr.143-153,167.

³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục*, bản dịch Viện Sử học, tập 4, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.983.

thành sào, trước bạ; còn thì liệt vào hạng lưu hoang, đều do quân địa phương sức dân khai khẩn cây cấy thành ruộng, cho làm hạng công điền, bắt nộp thuế”⁴.

Công điền công thổ ở huyện Phong Phú được hình thành do chính sách khuyến khích khẩn hoang. “Nhà Nguyễn đẩy mạnh tốc độ khai hoang, khuyến khích di dân tự do khai phá đất hoang, cho phép tự lựa chọn nơi khai phá, thậm chí còn trợ cấp thêm tiền, thóc, nông cụ và có lệ khen thưởng cho những ai khai hoang nhiều ở vùng đất này”⁵.

Cách thức phân chia và quản lý công điền công thổ ở huyện Phong Phú có sự khác biệt so với cách thức phân chia và quản lý ruộng đất công xã ở Bắc Bộ do đặc điểm chung làng xã ở Nam Bộ có tính mở và không mang tính tự trị cao so với ở Bắc Bộ. Mặt khác, công điền công thổ nơi đây nhờ vào chính sách khai hoang của nhà nước, do vậy công điền công thổ sẽ được phân phát cho cư dân canh tác nhằm để phát triển sản xuất và ổn định xã hội. Điều này đã phản ánh tính chất sở hữu song song giữa nhà nước và xã, thôn trong sở hữu và quản lý công điền công thổ: nhà nước là chủ thể khởi xướng và hỗ trợ, nhân dân là lực lượng trực tiếp khai thác và canh tác. Tuy nhiên, họ không có quyền sở hữu và quyết định đối với phần ruộng đất này.

2.2 Về diện tích ruộng đất

Qua thống kê cho thấy, diện tích ruộng đất công ở huyện Phong Phú hơn 717 mẫu chiếm 4,11% tổng diện tích ruộng đất toàn huyện.

Bảng 1: Diện tích ruộng đất công huyện Phong Phú

Đơn vị tính: mẫu.sào.thước.tấc

TT	Tổng	Tổng diện tích	Ruộng đất công	Tỉ lệ %	Tỉ lệ %
1	Định An	1712.4.10.0	52.6. 3.0	3,07	7,33
2	Định Bảo	4186.3.14.0	53.0. 1.0	1,27	7,39
3	Định Thới	11572.8. 5.0	611.8. 3.0	5,29	85,28
Tổng cộng		17471.6.14.0	717.4. 7.0	4,11	100

Nguồn: Nguyễn Đình Đầu (1995), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – An Giang*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

Theo đó, tổng Định Thới có diện tích ruộng đất công lớn nhất trong huyện với hơn 611 mẫu, chiếm 5,29% diện tích ruộng đất toàn tổng. Vì đây là một vùng đất được sáp nhập sau “nguyên trước là huyện Vĩnh Định và thổ Điều Môn. Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), tách đặt thì tên huyện Vĩnh Định vẫn để như cũ, thuộc phủ Tân Thành thống hạt. Năm thứ 20 (1839) đổi tên như ngày nay lại lấy thổ huyện Điều Môn (tức tổng Định

⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục*, bản dịch Viện Sử học, tập 4, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.983.

⁵ Tỉnh ủy – UBND tỉnh Cần Thơ (2002), *Địa chí Cần Thơ*, Cần Thơ, tr.366.

*Thới) sáp nhập với huyện thuộc phủ Tuy Biên thống hạt*⁶ nên hầu như nơi đây đất đai còn hoang hóa rất nhiều được nhà nước cho khai khẩn. Xét về vị trí địa lí, nơi đây còn là vùng đất rộng lớn cách xa trung tâm lý sở huyện với hệ thống kênh rạch tự nhiên chằng chịt nhỏ, phía bắc và đông bắc tiếp giáp với sông Hậu, thậm chí thôn Tân Lộc Đông của tổng còn nằm trên một cù lao giữa sông Hậu. Do đó, quá trình định cư và khai khẩn của dân cư sẽ gặp nhiều khó khăn nếu không có sự hỗ trợ của nhà nước. Với chính sách khuyến khích và hỗ trợ khai hoang của triều Nguyễn, phần lớn diện tích đất hoang nơi đây được quan quân địa phương cùng nhân dân khai khẩn và xếp vào hạng ruộng đất công. Trong tổng thể diện tích ruộng đất công của toàn huyện Phong Phú nửa đầu thế kỷ XIX, tổng Định Thới có diện tích công điền công thổ lớn hơn cả so với hai tổng còn lại với tỉ lệ 85,28% tổng diện tích ruộng đất công của toàn huyện.

Trong khi đó, tổng Định An có diện tích ruộng đất công nhỏ nhất huyện với khoảng 52 mẫu chiếm 3,07% diện tích ruộng đất toàn tổng. Tổng Định An là vùng đất thấp nằm ven vùng hạ lưu sông Hậu tương ứng với phần đất quận Cái Răng dọc theo tuyến đường Nam sông Hậu ngày nay. Do điều kiện tự nhiên nơi đây còn hoang vu, rừng rậm nên việc khai khẩn còn khá chậm, chủ yếu là các nhóm cư dân nhỏ lẻ đến canh tác trên các giong đất cao. Mặt khác, nơi đây là vùng đất trũng thấp với nhiều cồn, bãi ven sông khó canh tác nên không hẳn là trực tiếp khai hoang chính mà nhà nước tập trung đầu tư so với các tổng còn lại. Vì thế, việc thực hiện chính sách công điền công thổ của nhà nước nơi đây còn nhiều hạn chế. Điều này đã góp phần lý giải nguyên do diện tích ruộng đất công ở tổng này thấp nhất huyện chỉ chiếm 7,33% trong tổng diện tích ruộng đất công của huyện Phong Phú.

Riêng tổng Định Bảo là có tổng diện tích ruộng đất lớn thứ hai ở huyện Phong Phú, song diện tích ruộng đất công chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ 1,27% trong tổng diện tích ruộng đất với khoảng hơn 53 mẫu. Đất đai khu vực này vốn đã được khai phá từ thế kỷ XVIII. *“Cộng đồng dân cư ở đây từ ngày xưa gồm một bộ phận là binh lính và gia đình của quân binh Hà Tiên, Rạch Giá theo chồng, theo cha về trú ngụ ở Trản Giang. Một bộ phận khác là những lưu dân từ miền ngoài đi vào, từ miền Đông đi xuống và ở lại trên đất Trản Giang”*⁷. Mặt khác, ở đây còn là nơi giao thoa giữa các nhánh sông lớn, do vậy đường sông trở thành mạch giao thông thiết yếu. Cùng với đó là các làng xã ở tổng Định Bảo đã được hình thành trên các giong đất trải dài theo sông, rạch và sớm hội tụ nên các thị tứ, trung tâm thương mại – văn hóa của một vùng từ cuối thế kỷ XVIII. Sang thế kỷ XIX, nơi đây đã trở thành lý sở chính của huyện Phong Phú. Vì thế, đất đai ở tổng Định Bảo sớm được khai khẩn và thuộc về sở hữu tư nhân, ngược lại, nhà nước chỉ can thiệp vào những khu vực đất đai trũng thấp, đầm lầy hoặc nơi hoang vu mà các cộng đồng dân cư không đủ sức khai phá, canh tác để thiết lập chế độ công điền công thổ vào nửa đầu

⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch Viện Sử học, tập 5, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.186.

⁷ Tỉnh ủy – UBND tỉnh Cần Thơ (2002), *Địa chí Cần Thơ*, Cần Thơ, tr.29.

thế kỷ XIX. Do đó, tuy diện tích canh tác rộng lớn nhưng ruộng đất công chỉ chiếm tỉ lệ hạn chế 7,39% diện tích ruộng đất công của toàn huyện.

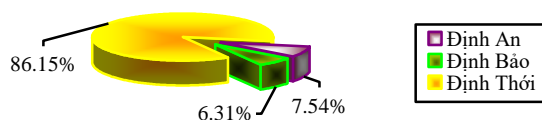
Bảng 2: Diện tích công điền công thổ ở huyện Phong Phú

Đơn vị tính: mẫu.sào.thước.tắc

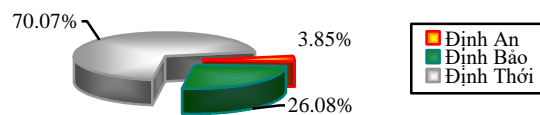
TT	Tổng	Công điền	Tỉ lệ %	Công thổ	Tỉ lệ %
1	Định An	51.1. 3.0	2,99	1.5. 0.0	0,09
2	Định Bảo	42.8. 5.0	1,02	10.1.11.0	0,24
3	Định Thới	584.4.13.0	5,05	27.3. 5.0	0,24
Tổng cộng		678.4. 6.0	3,88	50.4.13.8	0,22

Nguồn: Nguyễn Đình Đầu (1995), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – An Giang*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

Biểu đồ 1
Biểu đồ thể hiện cơ cấu diện tích công điền ở huyện Phong Phú



Biểu đồ 2
Biểu đồ thể hiện cơ cấu diện tích công thổ ở huyện Phong Phú



Công điền ở tổng Định An với khoảng 51 mẫu chiếm 2,99% diện tích ruộng đất toàn tổng, song chỉ đạt 7,54% tổng diện tích ruộng đất công của toàn huyện Phong Phú. Trong khi đó, diện tích công thổ nhỏ nhất huyện với 1 mẫu, chiếm 0,09% diện tích ruộng đất của tổng Định An và chỉ chiếm tỉ lệ 3,85% tổng diện tích đất công của huyện. Công điền của tổng tập trung ở 2 thôn Đông Phú (38 mẫu) và Long Hưng (13 mẫu). Công thổ chủ yếu ở thôn Đông Phú.

Tổng Định Bảo có công điền nhỏ nhất huyện với diện tích 42.8.5.0 (chiếm 1,02% diện tích ruộng đất toàn tổng và chiếm tỉ lệ 6,31% tổng diện tích ruộng đất công của huyện Phong Phú). Công điền được phân bố ở một số thôn như: Nhơn Ái (17 mẫu), Tân Thạnh Đông (9 mẫu), Thới Bình (12 mẫu), Thường Thạnh (3 mẫu). Công thổ của tổng Định Bảo có diện tích khoảng 10 mẫu (chiếm 0,24% diện tích ruộng đất của toàn tổng) nhưng đạt tỉ lệ khá cao trong tổng diện tích ruộng đất công của huyện với 26,08% và chủ yếu tập trung ở các thôn: Nhơn Ái (1 mẫu), Tân An (4 mẫu), Tân Thạnh Đông (2 mẫu), Thường Thạnh (2 mẫu).

Tổng Định Thới có diện tích công điền lớn nhất huyện với hơn 584 mẫu (chiếm tỉ lệ 5,05% diện tích ruộng đất toàn tổng và 86,15% tổng diện tích ruộng đất công của huyện Phong Phú). Công điền tổng Định Thới được phân bố ở thôn: Phú Long (7 mẫu), Tân Lộ Đông (3 mẫu), Thới An (63 mẫu), Thới An Đông (128 mẫu) và Thới Hưng (381 mẫu). Công thổ chiếm diện tích 27.3 mẫu (đạt tỉ lệ 0,24% diện tích ruộng đất toàn tổng

và chiếm tỉ lệ 70,07% tổng diện tích ruộng đất công của huyện), tập trung phân bố chủ yếu ở 2 thôn Thới An (3 mẫu) và thôn Thới Hưng (23 mẫu).

2.3 Về quy mô sở hữu

Công điền ở huyện Phong Phú phân bố ở 11/17 thôn, chiếm 64,71% và công thổ tập trung ở 7/17 thôn, chiếm 41,18% tổng số thôn của huyện.

Bảng 3: Số xã, thôn có công điền, công thổ

Đơn vị tính: xã, thôn

TT	Tổng	Tổng số xã, thôn	Công điền		Công thổ	
			Có	Tỉ lệ %	Có	Tỉ lệ %
1	Định An	3	2	66,67	1	33,33
2	Định Bảo	8	4	50	4	50
3	Định Thới	6	5	83,33	2	33,33
Tổng cộng		17	11	64,71	7	41,18

Nguồn: Nguyễn Đình Đầu (1995), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – An Giang*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

Theo đó, công điền công thổ ở huyện Phong Phú phân bố ở hầu hết các tổng. Tuy nhiên có sự chênh lệch về quy mô, cụ thể là:

Công điền tổng Định An tập trung ở thôn Đông Phú (38.0.0.0) và thôn Long Hưng (13.1.3.0), chiếm 66,67% số thôn của tổng, bình quân diện tích là 25,5 mẫu/thôn. Diện tích công thổ tập trung ở thôn Đông Phú (1.5.0.0), chiếm 33,33% tổng số thôn, bình quân diện tích là 1 mẫu/thôn.

Tổng Định Bảo có công điền phân bố ở 4 thôn: Nhơn Ái (17.4.1.0), Tân Thạnh Đông (9.9.0.0), Thới Bình (12.0.0.0), Thường Thạnh (3.5.4.0), chiếm 50% tổng số thôn, bình quân diện tích là 10,5 mẫu/thôn. Công thổ tập trung ở 4 thôn: Nhơn Ái (1.1.7.0), Tân An (4.0.0.0), Tân Thạnh Đông (2.2.11.0), Thường Thạnh (2.7.8.0), chiếm 50% tổng số thôn và bình quân diện tích là 2,5 mẫu/thôn.

Tổng Định Thới có 5 thôn có công điền, chiếm 83,33% số thôn của tổng, được phân bố ở các thôn: Phú Long (7.5.0.0), Tân Lộc Đông (3.3.13.0), Thới An (63.2.8.0), Thới An Đông (128.6.11.0), Thới Hưng (381.6.11.0) và bình quân diện tích là 116,8 mẫu/thôn. Công thổ tập trung ở 2 thôn, chiếm 33,33% số thôn của tổng: thôn Thới An (3.6.5.0) và Thới Hưng (23.7.0.0), bình quân diện tích là 13,5 mẫu/thôn.

Bình quân ruộng đất công ở huyện Phong Phú khoảng 39,9 mẫu/thôn. Về cơ bản, loại đất “*bổn thôn điền thổ*” này tồn tại hầu khắp trong các thôn huyện Phong Phú nhằm chi dùng vào việc chung của xã thôn một cách vừa đủ, do vậy quy mô sở hữu và bình quân diện tích của nó sẽ không chiếm tỉ lệ quá lớn so với các loại hình sở hữu đất đai khác của

huyện. Mặt khác, quy mô sở hữu loại đất này còn do lịch sử quá trình khai phá đất đai, lập làng xã của các cộng đồng cư dân từ thế kỷ XVII – XVIII để lại. Nửa đầu thế kỷ XIX, với chính sách khuyến khích và hỗ trợ nhân lực, vật lực trong khai hoang của nhà nước đã góp phần thúc đẩy tốc độ và quy mô sở hữu ruộng đất công ở Nam Bộ nói chung và ở huyện Phong Phú nói riêng có sự gia tăng đáng kể, đặc biệt là đối với những khu vực có điều kiện tự nhiên còn hoang vu và khó canh tác.

2.4 Một số nhận xét

2.4.1 Ruộng đất công ở huyện Phong Phú có sự chênh lệch lớn trong phân phối sở hữu

Qua thống kê, diện tích ruộng đất công huyện Phong Phú có sự chênh lệch khá lớn về diện tích: tổng Định An và tổng Định Bảo có khoảng 52 – 53 mẫu. Trong khi đó, tổng Định Thới có tới hơn 611 mẫu, chênh lệch xấp xỉ 12 lần.

Sự chênh lệch thể hiện trong cơ cấu diện tích giữa công điền và công thổ: diện tích công điền là 678 mẫu lớn gấp 17 lần so với công thổ (39 mẫu). Trong đó, diện tích công điền giữa các tổng của huyện có sự chênh lệch cao: diện tích công điền tổng Định An lớn gấp 1,2 lần so với tổng Định Bảo nhưng lại nhỏ hơn 11,5 lần so với tổng Định Thới. Ngược lại, diện tích công thổ giữa các tổng tuy vẫn có sự chênh lệch nhưng tỉ lệ không quá lớn như công điền: tổng Định Bảo có diện tích công điền lớn gấp 10 lần so với tổng Định An nhưng lại bé hơn 2,7 lần so với diện tích công thổ của tổng Định Thới.

Độ chênh lệch được thể hiện ở quy mô sở hữu ruộng đất công các thôn của từng tổng. Công điền được phân bố ở 11 thôn, nhiều gấp 1,5 lần so với 7 thôn có diện tích công thổ trong cùng huyện. Trong đó, số lượng thôn có công điền và công thổ giữa các tổng cũng chưa có sự đồng đều về quy mô sở hữu.

Do điều kiện tự nhiên của huyện Phong Phú nằm ở vị trí trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long được bao bọc bởi hệ thống sông ngòi chằng chịt nên đất đai dọc ven các nhánh sông khá màu mỡ và phì nhiêu. Các khu vực đất đai thuận lợi đã được các cộng đồng lưu dân khai phá và định cư từ các thế kỷ XVII – XVIII, đặc biệt là nửa sau thế kỷ XVIII, dưới thời Tổng trấn Mạc Thiên Tích đã tổ chức cuộc khai hoang, mở rộng diện tích ruộng đất canh tác. “*Mạc Thiên Tích đã cho người ngược sông Cái Lớn, lập đạo Trấn Giang và Trấn Di ở hữu ngạn sông Hậu. Đây được xem như là những đồn binh để liên lạc với quân chúa Nguyễn đồng thời tạo điều kiện cho lưu dân định cư và khai phá những vùng đất tốt ở hữu ngạn sông Hậu...*”⁸. Vì thế, những khu vực còn lại phần vì điều kiện tự nhiên còn khó khăn, kém màu mỡ, phần vì thiếu nguồn nhân lực cho quá trình khai hoang nên cần đến sự hỗ trợ của triều đình thông qua chính sách khẩn hoang. Qua đó, nhà nước trung ương dễ dàng thiết lập công điền công thổ đối với các khu vực đất đai này. Chính vì điều đó, trong quy mô sở hữu và bình quân diện tích ruộng đất công

⁸ Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.110.

không thể có sự đồng đều giữa các tổng trong cùng huyện và giữa các thôn xã trong cùng tổng.

2.4.2 Ruộng đất công chiếm tỉ lệ nhỏ trong cơ cấu sở hữu ruộng đất ở huyện Phong Phú

Diện tích ruộng đất công chiếm tỉ lệ nhỏ 4,11% trong cơ cấu ruộng đất của huyện Phong Phú và chỉ chiếm 0,74% trong cơ cấu ruộng đất toàn tỉnh An Giang (717.4.7.0/97407.8.3.1).

Bảng 4: So sánh tỉ lệ % giữa diện tích ruộng đất công trong tổng diện tích ruộng đất ở một số địa phương Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XIX

Đơn vị tính: mẫu.sào.thước.tác

TT	Đơn vị hành chính	Tổng diện tích	Ruộng đất công	Tỉ lệ %
1	Phong Phú	1747.6.14.0	717.4. 7.0	4,11
2	Sa Đéc	43874.9. 5.1	872.12.0	1,99
3	Sóc Trăng	2238.6. 1.0	159.0.11.0	7,11
4	Long Xuyên	8527.3. 4.0	613.8. 8.0	7,20
5	Châu Đốc	25295.2. 9.0	2001.9. 5.0	7,91
6	Kiến Đăng	66766.4.10.3	1357.5.13.5	2,03
7	Kiên Giang	526.9. 7.3	476.4.12.3	90,42

Nguồn: Nguyễn Đình Đầu (1994), *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ lục tỉnh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

Nếu so sánh tỉ lệ ruộng đất công trong cơ cấu ruộng đất ở một số đơn vị hành chính Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XIX thì ở huyện Phong Phú chiếm tỉ lệ khá nhỏ. Trong đó một số huyện như Châu Đốc (tỉnh An Giang) chiếm tỉ lệ 7,91%, Kiên Giang (tỉnh Hà Tiên) có tỉ lệ ruộng đất công rất cao 90,42%...

Vùng đất Trăn Giang thế kỷ XVIII đồng thời là huyện Phong Phú nửa đầu thế kỷ XIX đã từng tồn tại và phát triển mạnh mẽ của hình thức tư hữu ruộng đất của địa chủ trong tiến trình khai phá và canh tác. Đến nửa đầu thế kỷ XIX, khi tổ chức nhà nước trung ương được tái lập, xã hội được ổn định dần thì xu hướng tư hữu ngày càng cao và chiếm ưu thế. Do vậy, kết quả đo đạc điền thổ năm 1836 dưới triều Minh Mạng cho thấy sự tồn tại của loại hình ruộng đất công về thực chất là những khu vực đất đai trong các thôn xã được canh tác và sử dụng hoa lợi cho những việc chung của xã thôn. Vì thế, diện tích của loại ruộng đất công này không nhiều và chiếm tỉ lệ không quá lớn trong cơ cấu sở hữu ruộng đất của toàn huyện Phong Phú.

Bên cạnh đó, từ triều Gia Long đến triều Tự Đức đã không ngừng khuyến khích và chú trọng phát triển đồn điền đối với những khu vực đất đai xung quanh đồn binh hoặc ở những khu vực đất đai hoang nhàn, rừng rậm... mà nhân dân không đủ điều kiện khai

khẩn và canh tác. Chính vì vậy, triều đình dễ dàng thực hiện và phát triển chế độ công điền công thổ đối với những khu vực đất đai do chính nhà nước đầu tư khai khẩn nên loại ruộng đất công này ngày càng phát triển và chiếm một tỉ lệ đáng kể.

Loại ruộng đất thuộc công điền công thổ có chế định riêng, được dùng để phân cấp cho nhân dân trong các làng xã canh tác và chỉ thích ứng đối với những địa bàn đất hẹp người đông, nhằm ngăn chặn tình trạng chấp chiếm ruộng đất và củng cố nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu binh dịch, sưu thuế. Tuy nhiên, đối với vùng đất Nam Bộ nói chung và ở huyện Phong Phú nói riêng, nguồn quỹ đất đai rất lớn nên việc thiết lập chế độ công điền công thổ theo ý chí của triều Nguyễn nơi đây đã tạo nên sự biến đổi quan trọng trong cơ cấu sở hữu ruộng đất ở địa phương. Qua đó đã phản ánh xu thế lạc hậu trong cơ chế quản lý đất đai và hạn chế tầm nhìn vĩ mô trong quản lý kinh tế nông nghiệp đối với vùng đất Phong Phú. “Việc ra đời và ngày càng được gia tăng của diện tích công điền công thổ ở đồng bằng Nam Bộ đã có tác động tiêu cực đến tiến trình phát triển kinh tế của đồng bằng Nam Bộ”⁹.

2.4.3 Vấn đề sở hữu ruộng đất công ở huyện Phong Phú nửa đầu thế kỷ XIX để lại bài học về cơ chế quản lý đất đai hiện nay ở Thành phố Cần Thơ

Từ kết quả khảo cứu lịch sử huyện Phong Phú nửa đầu thế kỷ XIX đã góp phần phản ánh chính sách quản lý ruộng đất của triều Nguyễn đối với địa phương ở Nam Bộ đương thời theo các chiều hướng khác nhau. Việc thiết lập công điền công thổ trong chính sách quản lý ruộng đất dưới triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX đã mang lại nhiều tín hiệu tích cực trong việc phân cấp ruộng đất công cho nhân dân canh tác, tạo nguồn nhân lực địa phương ổn định góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, chính sách vĩ mô được áp dụng ở từng địa phương, đặc biệt là vùng đất trẻ Phong Phú chưa thực sự phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội. Điều đó tạo nên rào cản lớn trong phát triển và hội nhập nền kinh tế Nam Bộ ở vùng đất Phong Phú thế kỷ XIX.

Lịch sử đã sang trang, song bài học lịch sử vẫn còn nguyên giá trị đối với việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội hiện đại, đặc biệt là trong cơ chế quản lý đất đai ở thành phố Cần Thơ ngày nay. Cần Thơ ở thế kỷ XXI là một thành phố năng động, đầy tiềm năng trong hội nhập và phát triển kinh tế khu vực và thế giới. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế cần gắn kết chặt chẽ với an sinh xã hội, các vấn đề nhà ở, đất đai canh tác cần được giải quyết một cách ôn hòa. Vấn đề phát triển kinh tế nông nghiệp đủ sức cạnh tranh với thị trường quốc tế cần giải quyết bài toán phân tán nhỏ lẻ ruộng đất canh tác theo cá thể hay tích tụ ruộng đất với quy mô lớn để lập các đồn điền, trang trại nông nghiệp kiểu mẫu phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Vì vậy, trong quy hoạch và quản lý đất đai hiện nay tại thành phố Cần Thơ cần chú trọng đến vấn đề đặc thù của địa phương, đặc điểm cư trú và canh tác của các tộc người nhằm xây dựng chính sách quản lý và sử dụng quỹ đất đai phù hợp. Việc nghiên cứu bài học lịch sử một cách thấu đáo sẽ

⁹ Trần Thị Thu Lương, (2006), *Chế độ sở hữu ruộng đất ở Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX*, Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ Đại học Quốc gia – Hồ Chí Minh, tập 9, số 3.

dần xóa bỏ những hạn chế, yếu kém trong quản lý đất đai và quy hoạch xây dựng, góp phần đảm bảo phát triển bền vững, quy hoạch đô thị tổng thể và có định hướng, nâng cao hiệu quả đầu tư và tăng cường khả năng huy động nguồn lực xã hội đóng góp vào sự phát triển của thành phố.

3. Kết luận

Trên cơ sở thống kê và phân tích số liệu địa bạ huyện Phong Phú, tỉnh An Giang đã thể hiện sự tồn tại ruộng đất công thuộc sở hữu nhà nước với hai loại hình cơ bản: công điền và công thổ với diện tích và quy mô sở hữu có sự chênh lệch khác nhau. Song, ruộng đất công vẫn chiếm tỉ lệ khá trong cơ cấu hữu ruộng đất ở huyện Phong Phú, điều này phản ánh đặc thù của tiến trình lịch sử khai phá vùng đất Phong Phú. Đồng thời còn phản ánh quy mô sở hữu ruộng đất nhỏ lẻ và chưa có sự tập trung cao để tạo nên sự chuyển đổi mạnh mẽ trong canh tác nông nghiệp. Thực trạng về sở hữu ruộng đất nhỏ lẻ ở huyện Phong Phú là sản phẩm của hoàn cảnh tự nhiên và xã hội nửa đầu thế kỷ XIX đã để lại nhiều hệ quả lớn tác động đến tiến trình phát triển và hội nhập nền kinh tế Nam Bộ đương thời. Tuy lịch sử dân tộc đã trải qua nhiều bước thăng trầm theo thời gian, nhưng bài học về cơ chế quản lý ruộng đất công hữu dưới triều Nguyễn vẫn còn nguyên giá trị đối với việc hoạch định chính sách xây dựng quy hoạch và quản lý đất đai ở thành phố Cần Thơ hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình Đầu (1994), *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ lục tỉnh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Đình Đầu (1995), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – An Giang*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Trần Thị Thu Lương, (2006), *Chế độ sở hữu ruộng đất ở Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX*, Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ Đại học Quốc gia – Hồ Chí Minh, tập 9, số 3.
4. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Philippe Langlet et Quach Thanh Tam (2001), *Atlas Historique des six provinces du Sud du Vietnam – du milieu du XIXe au début du XX siècle*, Editions Les Indes savantes, Paris.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn, (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch Viện Sử học, tập 5, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục*, bản dịch Viện Sử học, tập 4, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Tỉnh ủy – UBND tỉnh Cần Thơ (2002), *Địa chí Cần Thơ*, Cần Thơ.